TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ QUANG
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Khắc Cẩn**
Các hội thẩm nhân dân:
Ông: **Lê Xuân Khanh**
Ông: **Nguyễn Văn Toại**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Song Hào –** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đồng-** Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS, ngày 01tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo: ***Trần Văn C1*** - Sinh ngày: 12/7/1992; nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân Th (đã chết) và bà Thái Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Bắt bị can để tạm giam" từ ngày 28/6/2019 cho đến nay (có mặt).

Bị cáo: ***Trần Kim V*** - Sinh ngày: 13/4/1996; nơi cư trú: Thôn 5, xã Hương Th, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Kim Đ1 và bà Thái Thị Kh; có vợ là Đoàn Thị Mỹ N và 01con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" và đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt).

- *Người bị hại:* ***Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê, Hà Tĩnh.***

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Cao su H ông ***Nguyễn Thái A*** theo giấy ủy quyền số 814 ngày 08 tháng 11năm 2019 (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông ***Hoàng Văn H1***– Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn 1, xã Hương Th, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Ông ***Nguyễn Văn S*** – Sinh năm: 1963
Địa chỉ: Thôn 5, xã Hương Th, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Ông ***Hồ Sỹ Tr*** – Sinh năm: 1968
Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện H, tỉnh H (có mặt).
+ Ông ***Trần Xuân H2***– Sinh năm: 1981
Địa chỉ: Thôn 2, xã Ph, huyện H, tỉnh H (có mặt).
+ Ông ***Trần Ngọc D*** – Sinh năm: 1964
Địa chỉ: Khối 13, thị trấn H, huyện H, tỉnh H(có mặt) .
+ Ông ***Nguyễn Hải N*** – Sinh năm: 1981
Địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã H, tỉnh H (có mặt).
+ Ông ***Nguyễn Phi H3*** – Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H (có mặt)
+ Anh ***Nguyễn Xuân Ph1*** – Sinh năm: 1968
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Anh ***Lê Văn H4*** – Sinh năm: 1970
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Anh ***Lê Văn L1*** – Sinh năm: 1967
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Chị ***Nguyễn Thị M*** – Sinh năm: 1976
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Chị ***Lê Thị V***– Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Anh ***Phan Thị X*** – Sinh năm: 1977
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).
+ Anh ***Lê Văn C2*** – Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt)
+ Anh ***Phan Hữu Đ1*** – Sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt)
+ Chị ***Đoàn Thị Mỹ N*** – Sinh năm: 1996
Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt)
+ Anh ***Trần Văn Ph2*** – Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt)
+ Anh ***Trần Văn L2*** – Sinh năm: 1987
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt)

- *Người làm chứng*:

+ Anh ***Trần Phúc Đ2*** – Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).
+ Anh ***Nguyễn Văn T*** – Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).
+ Chị ***Trần Thị Th*** – Sinh năm: 1971
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).
+ Bà ***Thái Thị H*** – Sinh năm: 1963
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2015, Trần Văn C1 vào khu vực rừng ở thôn 1, xã H, huyện V do công ty TNHH MTV cao su H quản lý, sử dụng và tiến hành bao chiếm 0,9ha (9.000m^2) rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất thuộc lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 để phát sẻ trồng cây keo lá tràm. Đến khoảng tháng 3/2018, C1 đến quán sửa xe của Trần Kim V chơi và nói với V hiện đang có một mảnh rừng bao chiếm được khoảng 1 đến 2ha nhưng chưa có điều kiện phát sẻ cây rừng để trồng keo lá tràm. Khi nghe C1 nói vậy, V nói "vậy để cho tau, lấy bao nhiêu tiền tau trả", thì C1 nói "hiện đang cần một ít tiền để mua xe mô tô làm phương tiện đi lại" nên V nói với C1 đổi mảnh rừng nói trên lấy chiếc xe mô tô của V thì C1 đồng ý và hai bên thống nhất là C1 lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda CBF190, màu trắng đỏ, BKS 38A1-000.63 của V, còn V lấy diện tích rừng mà C1 bao chiếm được tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 tại thôn 1 xã H , huyện V để phát sẻ trồng keo lá tràm và sau khi V tiến hành phát sẻ trồng keo xong thì hai bên ngồi lại với nhau tính toán giá rừng và giá chiếc xe rồi mới bù trừ cho nhau nếu có chênh lệch. Sau đó vài ngày, Trần Văn C1 đưa Trần Kim V vào khu vực rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 chỉ cho V biết rừng và nói với V "chờ đến mùa mưa có ít người qua lại rồi làm" rồi cả hai cùng về. Đến khoảng đầu tháng 8/2018, được sự đồng ý của Trần Văn C1 cho phát sẻ rừng trồng keo, Trần Kim V thuê nhóm chị Phan Thị X (gồm có chị X, anh Phan Hữu Đ1 và anh Lê Văn C2) và nhóm anh Nguyễn Xuân Ph1 (gồm có anh Ph1, anh Lê Văn L1, anh Lê Văn H4, chị Lê Thị V và chị Nguyễn Thị M) dùng dao cùng đi phát sẻ cây rừng (phát sẻ cây nứa, cây bụi và cây thân gỗ nhỏ) cho V tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 tại thôn 1 xã H, huyện V với giá 200.000 đồng/ngày công. Sau khi nhóm chị Phan Thị X và nhóm anh Nguyễn Xuân Ph1 phát sẻ cây nứa, cây bụi và cây thân gỗ nhỏ của khu vực rừng nói trên, Trần Kim V nhờ vợ là Đoàn Thị Mỹ N trả cho chị X 1.000.000 đồng, còn V trả cho anh Ph1 4.000.000 đồng tiền phát sẻ. Đến khoảng cuối tháng 9/2018, Trần Kim V tiếp tục nhờ Trần Văn C1 và anh Trần Văn Ph2 và anh Trần Văn L2 dùng cưa cắt những cây thân gỗ có đường kính lớn mà nhóm chị X, anh Ph1 không dùng dao chặt được tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 được C1, Ph2 và L2 đồng ý. Đến khoảng 6h00' một ngày đầu tháng 10//2018, Trần Kim V mang theo xăng, nước uống và sữa Fami để phục vụ còn C1, anh L2 và anh

Ph2 mỗi người mang theo 01 chiếc cưa xăng cùng vào khu vực rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 ở thôn 1, xã H cưa cắt hết toàn bộ những cây thân gỗ còn lại có đường kính khoảng từ 10cm trở lên rồi cùng nhau về nhà. Sau đó, Trần Kim V trả cho chị Nguyễn Thị Đ (vợ anh Ph2) 300.000 đồng tiền công của anh Ph2, còn anh L2 và C1 không lấy tiền công cưa cắt cây rừng cho V. Khoảng một tuần sau, Trần Kim V và Trần Văn C1 vào kiểm tra khu vực rừng nói trên thì thấy những cây nứa, cây thân gỗ nhỏ và cây bụi đã bị cháy còn sót lại một ít cùng với các cây thân gỗ đường kính từ 10cm trở lên nên C1 và V tiếp tục đốt những đám cây nứa, cây bụi, cây thân gỗ còn lại rồi về.

Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, xác minh hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp ở lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 thuộc thôn 1, xã H của Công ty TNHH Bảo Lâm xác định: Diện tích rừng bị hủy hoại là 0,90ha (9.000m^2), có 162 cây thân gỗ đường kính thân tính ngang ngực từ 6cm trở lên bị chặt hạ còn nguyên thân, cành có trữ lượng gỗ là 22,56m^3 bao gồm 97 cây phẩm chất nhóm A, 52 cây phẩm chất nhóm B và 13 cây phẩm chất nhóm C.

Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 03/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh H thì diện tích rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 thuộc thôn 1, xã H, huyện V là rừng quy hoạch sản xuất, trạng thái rừng theo quy hoạch là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo.

Bản Kết luận định giá số 04/KL-HĐĐGTS ngày 14/08/2019 của Hội Đồng định giá trài sản trong Tố tụng hình sự huyện V xác định tổng giá trị thiệt hại đối rừng bị hủy hoại nói trên là 181.066.000 đồng, trong đó: Thiệt hại về cây gỗ các loại là 41.328.500 đồng; giá quyền sử dụng rừng là 7.608.364 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường, chức năng sinh thái của rừng là 132.129.532 đồng. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda CBF 190 BKS 38A1-000.63 trị giá 55.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện V thu giữ ở Trần Văn C1 01 (một) chiếc cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna, màu đỏ cam loại 365SP, số máy 9670824-00; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda CBF190, màu trắng đỏ, BKS 38A-00.063, số khung L606G3091601, số máy IMKGG3101280; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 018309 mang tên Trần Kim V; thu của anh Nguyễn Xuân Ph1, Phan Hữu Đ1, Lê Văn L1, Lê Văn C2 và chị Nguyễn Thị M mỗi người 01chiếc dao.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV Cao su H, Hà Tĩnh yêu cầu Trần Văn C1 và Trần Kim V bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 181.066.000 đồng.

Đối với hành vi của chị Phan Thị X, anh Phan Hữu Đ1, anh Lê Văn C2, anh Nguyễn Xuân Ph1, anh Lê Văn L1, anh Lê Văn H4, chị Nguyễn Thị M, chị Lê Thị V, anh Trần Văn L2 và anh Trần Văn Ph2 được Trần Kim V thuê chặt phá cây rừng nhưng đều không biết diện tích rừng được thuê là rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất nên cơ quan CSĐT không xử lý trách nhiệm.

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 ở thôn 1, xã H bị chặt phá của Trần Ngọc D, Nguyễn Văn

S, Hoàng Văn H1, Trần Xuân H2, Hồ Sỹ Tr và Nguyễn Hải N chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã kiến nghị Hạt kiểm lâm huyện V và Công ty TNHH MTV Cao su H xử lý.

Cáo trạng số 13/CT-VKS-VQ ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H truy tố Trần Văn C1 và Trần Kim V phạm tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp Công ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh số tiền là 181.066.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Hữu Đ1, anh Nguyễn Xuân Ph1, anh Lê Văn L1, anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án trả lại chiếc dao bị thu giữ; anh Trần Văn L2 cho rằng chiếc cưa xăng thu giữ của Trần Văn C1 là của anh và đề nghị Tòa án trả lại cho anh; chị Đoàn Thị Mỹ N và Trần Kim V đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô bị thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Tuyên bố Trần Văn C và Trần Kim V phạm tội "Hủy hoại rừng"; áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 243, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn C1 từ 15 đến 18 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam; áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 243, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Kim V từ 15 đến 18 tháng tù và tổng hợp hình phạt 06 tháng của bản án số 09/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 21 đến 24 tháng tù, tính từ ngày 04/6/2019.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV cao su H, Hà Tỉnh số tiền 181.066.000 đồng và chia kỷ phần bồi thường bằng nhau cho mỗi bị cáo.

Đề nghị trả lại cho Trần Kim V và chị Đoàn Thị Mỹ N 01 chiếc xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Kim V; trả lại cho Phan Hữu Đ1, anh Nguyễn Xuân Ph1, anh Lê Văn L1, anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị M mỗi người một chiếc dao đã thu giữ; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc cưa xăng.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đưa ra tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hạt kiểm lâm huyện V, Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng tuân thủ quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ do Hạt kiểm lâm huyện V, Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Năm 2015, Trần Văn C1 vào bao chiếm trái phép 0,9ha (9.000m^2) rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất thuộc lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 ở thôn 1, xã H, huyện V để phát sẻ trồng cây keo lá tràm nhưng chưa có điều kiện để làm. Do biết Trần Kim V đang cần đất rừng để phát sẻ trồng keo nên khoảng tháng 3/2018, Trần Văn C1 đã đổi diện tích rừng bao chiếm trái phép nói trên cho Trần Kim V để lấy chiếc xe mô tô của V, còn V lấy diện tích rừng mà C1 bao chiếm được để phát sẻ trồng keo lá tràm và hai bên thống nhất sau khi V phát sẻ trồng keo xong thì tính toán giá cả rồi bù trừ chênh lệch cho nhau. Sau đó, Trần Văn C1 đưa Trần Kim V vào khu vực rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 chỉ cho V biết rừng và nói với V "chờ đến mùa mưa có ít người qua lại rồi làm" rồi về. Một thời gian sau, được sự đồng ý của Trần Văn C1 cho phát sẻ rừng trồng keo lá tràm nên khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018, Trần Kim V đã thuê nhóm chị Phan Thị X, nhóm anh Nguyễn Xuân Ph1, anh Trần Văn L2, anh Trần Văn Ph2 và nhờ Trần Văn C1 dùng dao, cưa vào chặt phá khu rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 tại thôn 1 xã H, huyện V để trồng keo lá tràm. Sau khi thuê người chặt phá khu vực rừng nói trên xong thì Trần Văn C1 và Trần Kim V tiếp tục vào đốt hết những đám cây nứa, cây bụi, cây thân gỗ còn lại để trồng cây keo là tràm. Diện tích rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 ở thôn 1, xã H, huyện V bị Công và V thuê chặt phá và chặt phá là 0,90ha (9.000m^2) theo kết luận của Công ty TNHH Bảo Lâm và là rừng quy hoạch sản xuất, trạng thái rừng theo quy hoạch là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 03/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Mặt khác, quá trình thuê chặt phá và chặt phá diện tích rừng nói trên C1 và V đều biết đó là rừng tự nhiên.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử kết luận Trần Văn C1 và Trần Kim V phạm tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của chị Phan Thị X, anh Phan Hữu Đ1, anh Lê Văn C, anh Nguyễn Xuân Ph1, anh Lê Văn L1, anh Lê Văn H4, chị Nguyễn Thị M, chị Lê Thị

V, anh Trần Văn L2 và anh Trần Văn Ph2 đều không biết diện tích rừng được thuê chặt, cưa là rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất nên cơ quan CSĐT không xử lý là có cơ sở.

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ rừng của Trần Ngọc D, Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H1, Trần Xuân H2, Hồ Sỹ Tr và Nguyễn Hải N đã được Hạt kiểm lâm huyện V và Công ty TNHH MTV Cao su H kiểm điểm, xử lý kỷ luật nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định về quản lý, bảo vệ rừng được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần lên một mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân cũng như hoàn cảnh gia đình của mỗi bị cáo.

[4] Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của BLHS. Đối với bị cáo Trần Văn C1 có cha đẻ tham gia quân tình nguyện Quốc tế tại Campuchia được tặng thưởng Huân chương hạng 3, có ông ngoại là liệt sỹ chống Mỹ cứu nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Qua xem xét toàn diện tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy Trần Văn C1 có vai trò là người khởi xướng và thực hành giúp sức nhưng lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, còn Trần Kim V là đồng phạm với vai trò thực hành tích cực, có một tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân xấu nên xử phạt các bị cáo mức án tương đương nhau, mỗi bị cáo 15 tháng tù và áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp bản án buộc Trần Kim V chấp hành hình phạt của cả hai bản án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về vật chứng áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS xử lý như sau:

Đối với 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda CBF190, màu trắng đỏ, BKS 38A-00.063 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 018309 mang tên Trần Kim V là tài sản hợp pháp của vợ chồng Trần Kim V, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho vợ chồng Trần Kim V; đối với 05 chiếc dao bị thu giữ là tài sản hợp pháp của Phan Hữu Đ1, anh Nguyễn Xuân Ph1, anh Lê Văn L1, anh Lê Văn C2 và chị Nguyễn Thị M, không phải là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu; còn 01 (một) chiếc cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna thu của Trần Văn C1 là công cụ phạm tội và tại phiên tòa anh Trần Văn L2 không chứng minh được đó là tài sản hợp pháp của mình nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét khu vực rừng tại lô 9, khoảnh 8A, tiểu khu 159 ở thôn 1 xã H, huyện V đã được Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh trực tiếp quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa các bị cáo đều đồng ý thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp người bị hại là không trái pháp luật và lỗi của các bị cáo gây ra thiệt hại là tương đương nhau nên cần áp dụng Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của BLDS chấp nhận sự thỏa thuận nói trên buộc Trần Văn C1 và Trần Kim V liên đới bồi thường thiệt hại cho Công Ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh số tiền 181.066.000 đồng và chia kỷ phần bồi thường bằng nhau cho mỗi bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo, đại diện hợp pháp người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố ***Trần Văn C1*** và ***Trần Kim V*** phạm tội "Hủy hoại rừng"

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 243; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn C1 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (28/6/2019).

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 243; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Kim V 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 09/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H buộc Trần Kim V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 (hai mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm a và b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Trả lại 01 chiếc xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 018309 mang tên Trần Kim V cho chị Đoàn Thị Mỹ N và Trần Kim V.

Trả lại cho anh Phan Hữu Đ1 01 chiếc dao, dài 58cm; trả lại cho anh Nguyễn Xuân Ph1 01 chiếc dao, dài 70cm; trả lại cho anh Lê Văn L1 01 chiếc dao, dài 93cm; trả lại cho anh Lê Văn C2 01 chiếc dao, dài 50cm; trả lại cho chị Nguyễn Thị M 01 chiếc dao, dài 60cm.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc cưa xăng.

Đặc điểm các vật chứng nói trên có tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự buộc Trần Văn C1 và Trần Kim V liên đới bồi thường thiệt hại cho Công Ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh số tiền 181.066.000 đ (một trăm tám mươi mốt triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, chia theo kỷ phần Trần Văn C1 phải bồi thường số tiền 90.533.000đ (chín mươi triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng) và Trần Kim V phải bồi thường số tiền 90.533.000đ (chín mươi triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền bồi thường cho Công Ty TNHH MTV cao su H, Hà Tĩnh thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, 3 Điều 21 và Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.526.650đ (bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát;
- Công an;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Khắc Cẩn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Lê Xuân Khanh **Nguyễn Văn Toại** **Nghiêm Khắc Cẩn**